

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **72/2018/HNGĐ-ST**
Ngày: 30 - 11 - 2018
V/v tranh chấp: “*Ly hôn*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hồng Luyến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Đây

2. Bà Lê Ngọc Sương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: ông Đào Văn Dũng – kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại Hội trường D – Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2018/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 10 năm 2018, về tranh chấp: “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Khu phố A, phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị Đơn:* Ông **Ngo Thịnh T**, sinh năm: 1958.

Địa chỉ: 6754 Westfield Dr Riverdale, GA 30274, USA.

(Bà H, ông T vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2013, thông qua người bạn giới thiệu, bà và ông Ngo Thịnh T gặp gỡ, quen biết và bắt đầu nảy sinh tình cảm với nhau. Đến tháng 7 năm 2017, ông bà tiến hành kết hôn và đăng ký tại Ủy ban

nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 164/2017 ngày 20 tháng 7 năm 2017.

Sau khi kết hôn, ông Ngo Thịnh T trở về Hoa Kỳ sinh sống và làm việc, còn bà vẫn ở thành phố C làm việc và tiến hành thủ tục xin Visa đi định cư tại Hoa Kỳ. Thỉnh thoảng, ông Ngo Thịnh T cũng có về Việt Nam thăm bà.

Tuy nhiên, sau một thời gian vợ chồng sinh sống xa cách nhau về mặt địa lý thì đến tháng 12 năm 2017, cả hai ông bà bắt đầu phát sinh những bất đồng, dẫn đến mâu thuẫn. Do tính tình hai bên không hòa hợp, bất đồng văn hóa, tính cách và quan điểm sống nên mâu thuẫn kéo dài.

Bà cho rằng do ông bà quá vội vàng đi đến hôn nhân và khoảng cách địa lý làm cho ông bà không thể hàn gắn, thông cảm và chia sẻ cho nhau được. Sau hơn 01 năm sống ly thân với nhau, bà nhận ra rằng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, bà không thể duy trì cuộc sống hôn nhân với ông Ngo Thịnh T. Hơn nữa, cuộc sống vợ chồng cũng không thể hàn gắn được khi bà ở Việt Nam, còn ông T ở Hoa Kỳ nên bà quyết định ly hôn với ông Ngo Thịnh T.

Bà xác định hiện nay bà không còn tình cảm với ông Ngo Thịnh T. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ngô Thịnh T.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Văn bản đồng ý giải quyết ly hôn, bị đơn ông Ngo Thịnh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung, nợ chung ông thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị H.

Ông đồng ý đối với yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H, ông T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận. Quá trình hôn nhân, bà H, ông T thường xuyên mâu thuẫn do tính tình hai bên không hòa hợp, bất đồng văn hóa, tính cách và quan điểm sống. Bà H, ông T đã sống ly thân hơn 01 năm. Hơn nữa,

mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, kéo dài, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được cho nên bà H yêu cầu ly hôn với ông T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó cần chấp nhận.

Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị H có hộ khẩu thường trú tại phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Nai; ông Ngo Thịnh T có quốc tịch Hoa Kỳ và đang định cư tại Hoa kỳ. Căn cứ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, bị đơn ông Ngo Thịnh T đã có đơn xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, và đơn xin vắng mặt của ông T đã được hợp pháp hóa lãnh sự theo đúng quy định pháp luật. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Ngo Thịnh T đã tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 164/2017 ngày 20 tháng 7 năm 2017, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà Nguyễn Thị H và ông Ngo Thịnh T thống nhất trình bày: Sau khi kết hôn, ông T trở về Hoa Kỳ sinh sống và làm việc, còn bà H vẫn ở thành phố C làm việc và tiến hành thủ tục xin Visa đi định cư tại Hoa Kỳ. Thỉnh thoảng, ông T cũng có về Việt Nam thăm bà H. Tuy nhiên, sau một thời gian vợ chồng sinh sống xa cách nhau về mặt địa lý thì đến tháng 12 năm 2017, ông T và bà H bắt đầu phát sinh những bất đồng, dẫn đến mâu thuẫn. Do tính tình hai bên không hòa hợp, bất đồng văn hóa, tính cách và quan điểm sống nên mâu thuẫn kéo dài. Sau hơn 01 năm sống ly thân với nhau, ông bà nhận ra rằng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể duy trì cuộc sống hôn nhân. Ông bà xác định hiện nay không còn tình cảm với nhau. Ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn. Theo như trình bày của các đương sự thì yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đã thỏa mãn căn cứ cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Ngo Thịnh T thống nhất trình bày không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Ngo Thịnh T thống nhất trình bày không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 37, 147, 228, 469, 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 8, 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Luật số: 97/2015/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc Hội; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về tranh chấp: “Ly hôn”, bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Ngo Thịnh T.

2. Về con chung: Không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà H đã nộp theo biên lai thu số 005104, ngày 26 tháng 9 năm 2018, của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai, được trừ vào số tiền án phí bà H phải nộp.

Bà Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, ông Ngo Thịnh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng

kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND thành phố Biên Hòa;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Hồng Luyện